

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHOÁ 12 ĐỢT 1 NĂM 2017

TT	SBD	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt Anh văn	Ngành ĐKDT	Ghi chú
						Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)	Ngoại ngữ (Anh văn)				
1	000001	Lê Duy An	Nam	08/10/1993	Bình Thuận	7.50	7.25	66.50			CNTT	
2	000002	Dương Minh Chiến	Nam	04/12/1993	BR-VT	7.00	7.50	Đạt		ĐH CNTT 73đ 15-16/10/2016	CNTT	
3	000003	Trương Thanh Chính	Nam	29/7/1984	Lâm Đồng	2.25	2.25	63.50			CNTT	
4	000004	Trần Minh Đang	Nam	11/9/1991	Cà Mau	5.00	7.00	66.00			CNTT	
5	000005	Nguyễn Giang Đảo	Nam	05/11/1990	Sông Bé	6.00	7.00	Đạt		TOEIC 455 03/02/2017	KHMT	
6	000006	Ngô Hiền Đạt	Nam	30/11/1992	Vĩnh Long	Đạt	Đạt	71.50			CNTT	
7	000007	Nguyễn Văn Đức	Nam	11/01/1992	Quảng Ngãi	6.50	9.25	Đạt		TOEIC 505 22/9/2016	CNTT	
8	000008	Nguyễn Xuân Đức	Nam	22/11/1985	Lâm Đồng	5.00	7.25	73.00			CNTT	
9	000009	Nguyễn Tấn Duy	Nam	22/6/1985	Ninh Thuận	6.50	6.75	66.50			CNTT	

2m2

TT	SBD	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt Anh văn	Ngành ĐKDT	Ghi chú
						Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)	Ngoại ngữ (Anh văn)				
10	000010	Lê Ngọc	Hiếu	Nam	16/12/1984	TPHCM	5.00	7.50	Đạt	CN AV ĐH KHXHNV 29/01/2016	KHMT	
11	000011	Nguyễn Đăng	Hiếu	Nam	18/02/1994	Bến Tre	2.50	6.50	69.50		CNTT	
12	000012	Lê Minh	Hoàng	Nam	21/4/1988	DakLak	5.75	6.50	89.50		CNTT	
13	000013	Nguyễn	Hoàng	Nam	02/7/1994	TPHCM	0.75	1.75	Đạt	TOEIC 560 21/10/2016	KHMT	
14	000014	Trần Văn	Hùng	Nam	26/10/1990	Khánh Hoà	5.00	5.00	67.50		CNTT	
15	000015	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	10/01/1989	Đồng Nai	6.25	8.00	53.00		CNTT	
16	000016	Trần Thanh	Huy	Nam	19/01/1994	Bình Định	Đạt	Đạt	Đạt	TOEIC 785 17/3/2017	CNTT	
17	000017	Lê Trí	Khuong	Nam	08/01/1994	TPHCM	5.00	5.00	64.50		CNTT	
18	000018	Bùi Thị Thiên	Kim	Nữ	13/10/1982	TPHCM	5.50	8.50	Đạt	CN AV ĐH Ngoại ngữ- Tin học TPHCM 05/5/2014	CNTT	
19	000019	Huỳnh Lê Nhật	Linh	Nam	31/10/1984	TPHCM	1.50	5.00	Đạt	ĐH CNTT 72d 15-16/10/2016	KHMT	

2m

TT	SBD	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt Anh văn	Ngành ĐKDT	Ghi chú
						Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)	Ngoại ngữ (Anh văn)				
20	000020	Nguyễn Đình Hoàng Long	Nam	13/8/1992	Khánh Hoà	8.00	8.75	Đạt		TOEIC 895 04/4/2016	KHMT	
21	000021	Dương Phi Long	Nam	25/12/1989	TPHCM	7.75	8.00	63.00			CNTT	
22	000022	Lê Duy Minh	Nam	07/02/1994	TPHCM	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 805 12/3/2017	CNTT	
23	000023	Danh Nhu	Nam	09/9/1989	Kiên Giang	6.50	6.25	Đạt		TOEIC 465 09/4/2017	CNTT	
24	000024	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	01/9/1986	Đồng Tháp	5.25	7.00	Đạt		ĐH CNTT 70đ 14-15/5/2016	KHMT	
25	000025	Trần Nguyên Phúc	Nam	08/01/1993	Đồng Nai	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 540 17/3/2017	KHMT	
26	000026	Nguyễn Công Quang	Nam	02/6/1984	Tây Ninh	—	—	—	môn tiếng Anh		CNTT	Không công nhận kết quả thi theo QĐ số 357/QĐ- ĐHCNTT ngày 16/6/2017
27	000027	Trần Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	20/9/1988	Bến Tre	5.00	7.00	31.50			CNTT	
28	000028	Tôn Nữ Thị Sáu	Nữ	31/12/1978	Huế	6.25	9.50	69.00			CNTT	

2m2

TT	SBD	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt Anh văn	Ngành ĐKDT	Ghi chú
						Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)	Ngoại ngữ (Anh văn)				
29	000029	Trần Thanh Sơn	Nam	16/7/1985	TPHCM	1.50	5.00	Đạt		CN AV ĐH Công nghệ TPHCM 31/5/2014	CNTT	
30	000030	Nguyễn Minh Tâm	Nam	25/01/1983	Cà Mau	5.00	7.00	66.50			CNTT	
31	000031	Vũ Đức Tâm	Nam	29/5/1988	Kiên Giang	2.50	8.25	47.50			CNTT	
32	000032	Tổng Duy Tân	Nam	22/11/1994	Đồng Nai	Đạt	Đạt	Đạt		TOEIC 605 30/7/2016	CNTT	
33	000033	Bùi Mạnh Toàn	Nam	08/02/1994	Bình Thuận	5.00	7.50	Đạt		TOEIC 460 17/4/2017	KHMT	
34	000034	Tạ Xuân Trường	Nam	26/3/1988	Thái Bình	8.00	8.75	79.50			CNTT	
35	000035	Tạ Văn Tuyền	Nam	29/3/1991	Bắc Ninh	5.00	5.50	Đạt		ĐHCNTT 62đ 15-16/10/2016	KHMT	
36	000036	Nguyễn Thanh Bình	Nam	04/11/1978	Kiên Giang	Vắng	Vắng	Vắng			CNTT	
37	000037	Lữ Văn Cam	Nam	07/12/1978	Kiên Giang	Vắng	Vắng	Vắng			CNTT	
38	000038	Ngô Kim Chi	Nữ	25/11/1992	Kiên Giang	2.50	5.00	47.50			CNTT	

2m2

TT	SBD	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt Anh văn	Ngành ĐKDT	Ghi chú
						Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)	Ngoại ngữ (Anh văn)				
39	000039	Trần Thanh	Điền	Nam	06/6/1984	Kiên Giang	2.75	5.25	72.00		CNTT	
40	000040	Võ Thanh	Điền	Nam	1978	Kiên Giang	2.75	6.50	65.00		CNTT	
41	000041	Phạm Thanh	Điền	Nam	19/6/1982	Kiên Giang	5.00	5.50	65.00		CNTT	
42	000042	Đặng Trường	Giang	Nam	25/4/1984	Kiên Giang	5.00	7.00	62.00		CNTT	
43	000043	Trương Thanh	Lam	Nam	28/5/1987	Kiên Giang	5.00	5.00	61.00		CNTT	
44	000044	Nguyễn Hiếu	Lễ	Nam	12/6/1985	Kiên Giang	5.00	6.25	54.00		CNTT	
45	000045	Nguyễn Hùng	Mạnh	Nam	20/10/1986	Cà Mau	Vắng	Vắng	Vắng		CNTT	
46	000046	Võ Hoàng	Nhân	Nam	10/4/1993	Sóc Trăng	2.00	6.00	64.50		CNTT	
47	000047	Hà Sơn	Nhật	Nam	21/01/1984	Kiên Giang	5.00	6.75	68.50		CNTT	
48	000048	Trần Văn	Tám	Nam	21/12/1985	Kiên Giang	3.50	8.50	61.50		CNTT	

2.12

TT	SBD	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Môn thi vi phạm quy chế bị xử lý	Lý do xét đạt Anh văn	Ngành ĐKDT	Ghi chú
						Cơ bản (Toán cho máy tính)	Cơ sở (Tin học cơ sở)	Ngoại ngữ (Anh văn)				
49	000049	Nguyễn Vĩnh Tân	Nam	27/3/1983	Kiên Giang	5.00	6.00	70.00			CNTT	
50	000050	Lê Thành Thái	Nam	26/3/1984	Kiên Giang	2.50	5.00	67.00			CNTT	
51	000051	Nguyễn Minh Tú	Nam	30/9/1988	Kiên Giang	2.75	5.50	64.50			CNTT	
52	000052	Huỳnh Thanh Hoàng	Nam	15/01/1980	Cà Mau	Vắng	Vắng	Vắng			CNTT	
53	000053	Đặng Vũ Hùng	nam	28/02/1970	Thái Nguyên	Vắng	Vắng	Vắng			CNTT	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH *2m2*



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hoàng Tú Anh